**MÔN NGỮ VĂN**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Làm văn** | Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Làm văn** | Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CÂU CHUYỆN BÓ ĐŨA**

*Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ, anh em rất hòa thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng, tuy mỗi người một nhà nhưng vẫn hay va chạm.*

*Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền. Một hôm, ông đặt một bó đũa và một túi tiền trên bàn, rồi gọi các con, cả trai, gái, dâu, rể lại và bảo:*

*- Ai bẻ gãy được bó đũa này thì cha thưởng túi tiền.*

*Bốn người con lần lượt bẻ bó đũa. Ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được. Người cha bèn cởi bó đũa ra, rồi thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng.*

*Thấy vậy, bốn người con cùng nói:*

*- Thưa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì!*

*Người cha liền bảo:*

*- Đúng. Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Có đoàn kết thì mới có sức mạnh.*

(Theo **Ngụ ngôn Việt Nam**)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. *Câu chuyện bó đũa* thuộc thể loại nào?

A. Truyện truyền thuyết B. Truyện cổ tích

C. Truyện ngụ ngôn D. Truyện cười

**Câu 2**. Câu chuyện được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người cha B. Lời của người kể chuyện

C. Lời của người em gái D. Lời của người anh cả

**Câu 3.** Thấy anh em không yêu thương nhau, người cha có thái độ ra sao?

A. Khóc thương B. Tức giận

C. Thờ ơ D. Buồn phiền

**Câu 4.** Tại sao bốn người con không ai bẻ gãy được bó đũa?

1. Họ chưa dùng hết sức để bẻ
2. Không ai muốn bẻ cả
3. Cầm cả bó đũa mà bẻ
4. Bó đũa được làm bằng kim loại

**Câu 5**. Người cha đã làm gì để răn dạy các con?

A. Cho thừa hưởng cả gia tài B. Lấy ví dụ về bó đũa

C. Trách phạt D. Giảng giải đạo lý của cha ông

**Câu 6**. Các trạng ngữ trong câu: “*Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em”* bổ sung ý nghĩa gì?

Top of Form

A. Thời gian, nơi chốn B. Thời gian, phương tiện

C. Thời gian, cách thức D. Thời gian, mục đích

**Câu 7**. Từ “*đoàn kết*” trái nghĩa với từ nào?

A. Đùm bọc B. Chia rẽ

C. Yêu thương D. Giúp đỡ

**Câu 8.** Nhận xét nào sau đây đúng với *Câu chuyện bó đũa*?

1. Ca ngợi tình cảm cộng đồng bền chặt.
2. Ca ngợi tình cảm anh, em đoàn kết, thương yêu nhau.
3. Giải thích các bước bẻ đũa.
4. Giải thích các hiện tượng thiên nhiên.

**Câu 9**. Qua câu chuyện trên, rút ra bài học mà em tâm đắc nhất.

**Câu 10**. Cách dạy con của người cha có gì đặc biệt.

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Cảm nghĩ về người thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học. | 1,0 |
|  | **10** | - HS chỉ ra được điều đặc biệt trong cách dạy con của người cha: tế nhị, tinh tế. | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Cảm nghĩ về người thân* | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  - Biểu cảm về người thân  + Nét nổi bật về ngoại hình  + Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  - Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về kỉ niệm đó.  -Tình cảm của em với người thân. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |